

199/89851

BỘ Y TẾ  
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC  
ĐÃ PHÊ DUYỆT  
Lần đầu: 9.12.15

**TEDIS SA**  
Zac de Montavas - 8 bis rue Colbert  
91320 WISSOUS  
355 148 463 PCS PARIS  
Siret : 53 148 463 00048 - APE 514 N  
Tél : 01 61 74 90 30 - Fax : 01 69 74 90 31

Rx-Thuốc bán theo đơn  
**ACUPAN**, dung dịch tiêm  
Nefopam hydrochloride 20 mg. Hộp 5 ống 2 ml tiêm bắp.  
tìm truyền tĩnh mạch. Số đăng ký: VN-xxxx-xx.  
Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định: xem tờ hướng dẫn sử  
dụng trong hộp. Bảo quản ở nhiệt độ dưới 30°C, nơi khô  
ráo, tránh ánh sáng.  
Số lô SX: xxxx - NSX: xxxxx/xxxx - HD: xxxxx/xxxx.  
Đề xa tâm lay trẻ em.  
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.  
Nhà sản xuất chịu trách nhiệm xuất xứ: BIOCODEX  
1, avenue Biola Pascal, 60000 Beauvais - PHÁP  
Nơi sản xuất thành phẩm: Dolip arm Tour  
Rue Paul Langevin, 37170 Chambray lès Tours - Pháp  
DNNK: .....

Uniquement sur ordonnance  
On prescription only

Vue periphèrè - N, M, IV or M route.  
Medicament autorisè n° 24 217 5

3 583313 242178

Trouble / MA Holder: BIOCODEX  
7 avenue Gallieni  
9429 GENTILLY - France

Fabricant/Manufacturer: BIOCODEX  
1 avenue Biola Pascal  
60000 BEAUVAIS - France

**ACUPAN<sup>®</sup>**  
NEFOPAM  
Solution injectable

1842002

**ACUPAN<sup>®</sup>**  
NEFOPAM  
Solution for injection

Composition: Nefopam hydrochloride 20 mg.  
Excipients: sodium and disodium phosphates.  
water for injection, q.s.l., 2 ml.  
Keep out of reach and sight of children.  
Indications, contraindications, undesirable  
effects, precautions of use: Read carefully the  
leaflet before use. Store below 30°C.

5017499

LOT:                      Fab./Mfg:                      EXP:

**ACUPAN<sup>®</sup>**  
NEFOPAM

**5 AMPOULES  
INJECTABLES/  
FOR INJECTION**

**BIOCODEX**

**ACUPAN<sup>®</sup>**  
NEFOPAM  
Solution injectable

Composition : Chlorhydrate de néfopam 20 mg.  
Excipients : phosphate monosodique, phosphate  
disodique, eau ppi q.s.p. 2 ml.  
Tenir hors de la portèe et de la vue des enfants.  
Indications, contre-indications, effets  
indésirables, prècautions d'emploi : Se reporter à la  
notice intèrieure. A conserver en dessous de 30°C.

*Handwritten signature and red stamp*

 SA  
**TEDIS**  
Zac de Montavas - 8 bis rue Colbert  
91320 WISSOUS  
353 148 463 RCS PARIS  
Siret 353 148 463 00048 - APE 514 N  
Tél. : 01 69 74 90 30 - Fax : 01 69 74 90 31

*Handwritten signature*

**Néfopam**  
Chlorhydrate  
**Acupan®**  
20mg - 2mL  
10mg/mL  
Voie IV, IM  
Blucodex  
Lot :      EXP :

*Vertical handwritten text*



Các thuốc giảm đau/an thần khác

Các thuốc có liên quan như: thuốc chữa morphin (giảm đau, thuốc ho và điều trị thay thế trong cai nghiện), thuốc an thần, các barbiturat, benzodiazepin, thuốc giải lo âu không phải benzodiazepin (như meprobamat), thuốc gây ngủ, thuốc chống trầm cảm (amitriptyllin, doxepin, mianserin, mirtazapin, trimipranтин), thuốc kháng histamin H1, thuốc hạ huyết áp trung ương, baclofen, thalidomid.

Làm tăng tác động trầm cảm trung ương. Điều này có thể ảnh hưởng đến khả năng lái xe và vận hành máy.

#### MANG THAI VÀ CHO CON BÚ

Ảnh hưởng của thuốc này trong thời gian mang thai hoặc cho con bú chưa được biết rõ. Do đó đề thận trọng không nên dùng thuốc này trong thời gian mang thai và cho con bú.

#### LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC

Thuốc có thể gây buồn ngủ.

#### QUÁ LIỀU

Có khả năng gây nhịp tim nhanh, co giật, ảo giác, cần điều trị triệu chứng kết hợp theo dõi tim mạch và hô hấp tại bệnh viện.

#### CÁC ĐẶC TÍNH DƯỢC LỰC HỌC

- ACUPAN là thuốc giảm đau trung ương không thuộc morphin. Thuốc có cấu trúc khác với các thuốc giảm đau khác đã biết.
- Trong thử nghiệm *in vitro* ở chuột, thuốc có tác dụng ức chế sự thu giữ trở lại catecholamin và serotonin tại các khớp nối thần kinh.
- Trong thử nghiệm *in vivo* ở động vật, nefopam có đặc tính chống lại sự cảm thụ đau. Tác dụng chống lại sự gia tăng cảm giác đau cũng đã được chứng minh nhưng cơ chế vẫn chưa hoàn toàn sáng tỏ.
- Qua các nghiên cứu lâm sàng cho thấy Acupan có tác dụng chống lại cơn rét run sau giải phẫu.
- ACUPAN không có tác dụng hạ sốt hoặc kháng viêm. Thuốc không gây ức chế hô hấp và không làm giảm nhu động ruột.
- ACUPAN có tác dụng kháng cholinergic nhẹ.
- Thuốc làm tăng vừa và thoáng qua nhịp tim và huyết áp.

#### CÁC ĐẶC TÍNH DƯỢC ĐỘNG HỌC

Sau khi tiêm bắp liều 20mg, thuốc đạt nồng độ đỉnh trong huyết tương (Tmax) sau 0,5 đến 1 giờ và nồng độ tối đa (Cmax) trung bình là 25ng/ml. Thời gian bán thải trong huyết tương trung bình là 5 giờ. Sau khi tiêm tĩnh mạch liều tương tự, thời gian bán thải trong huyết tương trung bình là 4 giờ.

Tỷ lệ gắn kết với protein huyết tương là 71 - 76%.

Có 3 chất chuyển hóa chính đã được xác định là: desmethyl-nefopam, nefopam N-oxide và N-glucuronide. Desmethyl-nefopam và nefopam N-oxide không kết hợp, không có tác dụng giảm đau trên động vật.

Thuốc thải trừ chủ yếu qua nước tiểu: 87% liều dùng được tìm thấy trong nước tiểu. Dưới 5% thải trừ ở dạng không đổi, và các chất chuyển hóa tìm thấy trong nước tiểu lần lượt là 6%, 3% và 36% của liều sử dụng khi tiêm tĩnh mạch.

#### TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN

Các tác dụng không mong muốn được thống kê, phân loại theo toàn thân - cơ quan và tỷ lệ mắc phải như: rất thường gặp (>1/10), thường gặp (>1/100, <1/10), ít gặp (>1/1000, <1/100), và hiếm gặp (>1/10000, <1/1000).

Tâm thần: Hiếm gặp: dễ kích động\*, bồn chồn\*, ảo giác, lạm dụng thuốc, lệ thuộc thuốc.

Hệ thần kinh trung ương: Rất thường gặp: buồn ngủ; thường gặp: chóng mặt\*; hiếm gặp: co giật\*

Tim: thường gặp: nhịp tim nhanh\*, đánh trống ngực\*

Dạ dày-ruột: Rất thường gặp: buồn nôn có hoặc không kèm theo nôn; thường gặp: khô miệng\*

Thận: Thường gặp: bí tiểu

Toàn thân: Rất thường gặp: ra mồ hôi nhiều\*, hiếm gặp: khó chịu

Hệ miễn dịch: Hiếm gặp: Phản ứng quá mẫn (mày dầy, phù Quinck, sốc phản vệ)

\*Các tác dụng giống atropin khác có thể xuất hiện mặc dù chưa ghi nhận.

**THÔNG BÁO CHO BÁC SĨ NHỮNG TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN GẶP PHẢI KHI SỬ DỤNG THUỐC.**

#### BẢO QUẢN

Không dùng thuốc quá hạn dùng ghi trên bao bì. Để thuốc xa tầm tay trẻ em.

Bảo quản ở nhiệt độ dưới 30°C, nơi khô ráo, tránh ánh sáng.

Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

Thuốc này chỉ dùng theo đơn của bác sĩ.

Nhà sản xuất chịu trách nhiệm xuất xưởng: BIOCDEX

Nhà máy : 1 avenue Blaise Pascal - 60000 Beauvais - Pháp

Văn phòng : 7 avenue Gallient - 94250 Gentilly - Pháp

Nơi sản xuất thành phẩm : DELPHARM TOURS

Rue Paul Langevin

37170 CHAMBRAY-LES-TOURS- FRANCE



TU. CỤC TRƯỞNG  
P. TRƯỞNG PHÒNG

**TEDIS**

Zac de Montavas - 8 bis rue Colb  
91320 WISSOUS  
353 148 463 RCS PARIS  
Siret 353 148 463 00048 - APE 514 N  
Tél. : 01 69 74 90 30 - Fax : 01 69 74 90 31